TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 147/2025/QĐST-HNGĐ	*Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2025/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1989.

Cư trú: Thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn**: Anh Võ Thanh P, sinh năm 1985.

Cư trú: Thôn C, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Bà Nguyễn Thị H (chết).

-Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Hường:

+ Anh Trần Phước C, sinh năm 1962.

Cư trú: Thôn P, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

+ Chị Trần Thị N, sinh năm 1970.

Cư trú: Làng N, phường H, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Trần Phước K, sinh năm 1971.

Cư trú: Thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Trần Phước Đ, sinh năm 1968.

Cư trú: Thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

Anh C, chị N, anh K đều ủy quyền cho anh Trần Phước Đ.

+ Anh Trần Phước M, sinh năm 1976 (chết 2023).

-Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Trần Phước M:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2002.

Đồng cư trú: Thôn P, xã X, tỉnh Đắk Lắk.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:**

-Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T, bị đơn anh Võ Thanh P, người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H: anh Trần Phước Đ và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Trần Phước M: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T đều thống nhất thỏa thuận: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy viết tay lập ngày 01/9/2011 giữa anh Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị H (đo đạt thực tế vào ngày 21/10/2025 tại thửa 133, tờ 01 là 331,9m^2), theo tứ cận: Đông giáp thửa 189, tờ 02; Tây giáp thửa 188+ 206, tờ 02; Nam giáp thửa 189, tờ 02; Bắc giáp đường C, thôn D. Tọa lạc tại: Thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk là hợp pháp.

Các bên đương sự có quyền liên hệ đến các Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

***Về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn**:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T thỏa thuận được nhận quản lý, sử dụng một ngôi nhà cấp 4, các công trình phụ gắn liền diện tích 331,9m^2, (một phần nằm trong thửa 133, tờ 01), theo tứ cận: Đông giáp thửa 189, tờ 02; Tây giáp thửa 188+ 206, tờ 02; Nam giáp thửa 189, tờ 02; Bắc giáp đường C, thôn D. Tọa lạc tại: Thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk. (Có tổng giá trị là 600.000.000 đồng). Chị T có nghĩa vụ thanh toán cho anh P 300.000.000 đồng giá trị chênh lệch.

-Bị đơn: Anh Võ Thanh P thống nhất giao cho chị Trần Thị Thanh T nhận quản lý, sử dụng một ngôi nhà cấp 4, các công trình phụ gắn liền diện tích 331,9m^2, (một phần nằm trong thửa 133, tờ 01), theo tứ cận: Đông giáp thửa 189, tờ 02; Tây giáp thửa 188+ 206, tờ 02; Nam giáp thửa 189, tờ 02; Bắc giáp đường C, thôn D. Tọa lạc tại: Thôn D, xã X, tỉnh Đắk Lắk. (Anh P được nhận số tiền 300.000.000 đồng do chị T thanh toán giá trị chênh lệch).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ:**

- **Nguyên đơn**: Chị T thỏa thuận tự nguyện chịu 2.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chổ (đã nộp đủ).

- Bị đơn: Anh P thỏa thuận tự nguyện chịu 2.200.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chổ; Chị T đã nộp tạm ứng 2.200.000 đồng nên anh P có nghĩa vụ hoàn lại cho chị T 2.200.000 đồng.

***Về án phí**: Chị T thỏa thuận tự nguyện chịu 7.500.000 đồng án phí DSST về chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nợp tại biên lai thu tiền số: 0005857 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Chị T còn phải nộp 3.750.000 đồng án phí DSST.

Anh P thỏa thuận tự nguyện chịu 7.500.000 đồng án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Phòng THA. DS khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Bình